

Bản án số: 09/2024/KDTM-ST

Ngày: 06/5/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Phú Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Ông Nguyễn Kiên Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2023/TLST-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2024/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

Trụ sở: Tầng 19, khu văn phòng tòa nhà I, Số 04 đường N, phường Đ, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà T (có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần H

Trụ sở : Số E8, lô E 552-558 đường C, Phường 11, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà N. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/11/2023, các bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P có bà N đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn P (gọi tắt là Công ty P) có thực hiện các Đơn hàng thương mại số CT/HAAN-TP/1901 ngày 20/9/2019 và Đơn hàng thương mại số DDD/HAAN-SIV/261218 ngày 26/12/2018 với H về việc cung cấp Washi và phím dán kính Nhật Bản cho Công trình xây dựng của Công ty

H. Căn cứ Điều khoản trong Đơn đặt hàng thì đến ngày 23/10/2019 và 18/01/2019 H có trách nhiệm thanh toán giá trị còn lại của 02 đơn hàng là 17.239.256 cho Công ty P. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty P vẫn chưa nhận được khoản thanh toán nào.

Ngày 20/02/2023, Công ty P gửi giấy đề nghị thanh toán đến H để yêu cầu thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng và tiền lãi chậm thanh toán đến tháng 02/2023 là 24.990.000 đồng nhưng vẫn không nhận được thanh toán. Ngày 18/8/2023, Công ty P tiếp tục gửi Công ty H yêu cầu thanh toán nợ và lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm là 26.091.541 đồng nhưng vẫn không được thanh toán. Nhận thấy hành vi không thanh toán nợ quá hạn của Công ty H đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty P nên khởi kiện yêu cầu:

Buộc Công ty H thanh toán cho Công ty P số tiền 5.492.256 đồng theo Đơn hàng thương mại số DDD/HAAN-SIV/261218 ngày 26/12/2018 và 11.747.000 đồng theo Đơn hàng thương mại số CT/HAAN-TP/1901 ngày 20/9/2019. Tổng cộng là 17.239.256 đồng.

Buộc Công ty H thanh toán tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất 10%/năm của số tiền còn nợ trên tạm tính đến ngày 16/4/2024 là 7.485.173 đồng.

Bị đơn H có bà Nguyễn Ngọc Ly Hương đại diện trình bày: Bị đơn xác nhận số tiền nợ gốc là 5.492.256 đồng theo Đơn hàng DDD/HAAN-SIV/261218 và 11.747.000 đồng theo Đơn hàng CT/HAAN-TP/1901. Bị đơn đã nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán của nguyên đơn. Tuy nhiên, hồ sơ này từ năm 2019, lúc đó đại diện theo pháp luật của Công ty là người khác nên bị đơn yêu cầu thời gian để đại diện theo pháp luật trước đây ký các hồ sơ thanh toán để Công ty hoàn thành hồ sơ trả nợ. Do tình hình Công ty khó khăn, gần như không còn hoạt động nên bị đơn đề nghị nguyên đơn không tính tiền lãi chậm thanh toán.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Công ty H thanh toán cho Công ty P số tiền 5.492.256 đồng theo Đơn hàng thương mại số DDD/HAAN-SIV/261218 ngày 26/12/2018 và 11.747.000 đồng theo Đơn hàng thương mại số CT/HAAN-TP/1901 ngày 20/9/2019. Tổng cộng là 17.239.256 đồng. Do ngày 16/4/2024, bị đơn Công ty H đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 7.239.256 đồng. Còn nợ lại là 10.000.000 đồng. Buộc Công ty H thanh toán tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất 10%/năm, tiền lãi của đơn hàng CT/HAAN-TP/1901 tính từ ngày 02/11/2019 đến ngày 16/4/2024 là 5.236.265 đồng, tiền lãi của đơn hàng DDD/HAAN-SIV/261218 tính từ ngày 18/02/2019 đến ngày 16/4/2024 là 2.248.908 đồng. Tổng cộng tiền lãi của 02 đơn hàng đến ngày 16/4/2024 là 7.485.173 đồng. Ngày 16/4/2024 bị đơn thanh toán 7.239.256 đồng, nên nợ gốc còn lại là 10.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc 10.000.000 đồng tính từ ngày 16/4/2024 đến ngày xét xử 06/5/2024 là 54.794 đồng. Tổng cộng tiền lãi bị đơn phải thanh toán là 7.539.967 đồng.

- Bị đơn vắng mặt không ghi nhận được ý kiến

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty P khởi kiện, yêu cầu bị đơn Công ty H có trụ sở tại Quận 3 thanh toán tiền nợ mua bán hàng hóa theo các đơn đặt hàng thương mại, nên đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về luật áp dụng: căn cứ các Đơn hàng ký kết giữa Công ty P và Công ty H, nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Thương mại năm 2005 để giải quyết.

[3] Yêu cầu của nguyên đơn về thanh toán nợ gốc:

[3.1] Căn cứ các Đơn hàng thương mại số DDD/HAAN-SIV/261218 ngày 26/12/2018 và Đơn hàng thương mại số CT/HAAN-TP/1901 ngày 20/9/2019, các biên bản nghiệm thu, bàn giao, hóa đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bên bán Công ty P có thực hiện việc cung cấp hàng hóa là giấy washi và phim dán kính Nhật Bản cho công trình của bên mua Công ty H.

[3.2] Căn cứ các văn bản đề nghị thanh toán và xác nhận của bị đơn Công ty H xác nhận Công ty H còn nợ tiền hàng của Công ty P là 5.492.256 đồng theo Đơn hàng DDD/HAAN-SIV/261218 ngày 26/12/2018 và 11.747.000 đồng theo Đơn hàng CT/HAAN-TP/1901 ngày 20/9/2019.

[3.3] Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 quy định “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.*”

[3.4] Xét bị đơn Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng là đã vi phạm điều khoản thỏa thuận đặt hàng giữa các bên. Do đó Công ty P khởi kiện Công ty H yêu cầu thanh toán nợ gốc còn lại là 17.239.256 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu thanh toán nợ lãi:

[4.1] Về lãi suất: Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng ... thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*”. Tại các Đơn hàng DDD/HAAN-SIV/261218 ngày 26/12/2018 và Đơn hàng CT/HAAN-TP/1901 ngày 20/9/2019 các bên có thỏa thuận quy định “*Nếu bên mua thanh toán chậm cho bên bán sẽ chịu bồi thường cho bên theo mức lãi suất cho vay quá hạn trên số tiền chậm thanh toán do Ngân hàng Ngoại thương TP.HCM quy định*”.

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Công ty P xác định mức lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm là thấp hơn mức lãi suất cho vay quá hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương TP.HCM quy định (13,5% đến 18,75%/năm) nên có cơ sở HĐXX chấp nhận.

[4.2] Về thời điểm tính lãi chậm thanh toán:

Đối với Đơn hàng DDD/HAAN-SIV/261218 ngày 26/12/2018 ngày tính lãi là từ ngày 18/02/2019 và Đơn hàng CT/HAAN-TP/1901 ngày 20/9/2019 ngày tính lãi là ngày 02/11/2019 là sau 01 tháng kể từ ngày quyết toán đơn hàng theo thỏa thuận nên có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Xác định số tiền lãi mà bị đơn Công ty H phải thanh toán tính đến đến ngày 06/5/2024 là 7.539.967 đồng

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn H phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi. Cụ thể nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 06/5/2024 là 7.539.967 đồng. Tổng cộng 17.539.967 đồng.

[6] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn H phải chịu là 3.000.000 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty P số tiền 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ 50, 55, 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P:

1.1. Buộc H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 06/5/2024 là 7.539.967 đồng. Tổng cộng 17.539.967 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ba mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng). Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí KDTM sơ thẩm:

2.1. H chịu là 3.000.000 đồng.

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P số tiền 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0002272 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự ; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty trách nhiệm hữu hạn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Phú Oanh

